TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:124/2023/HNGĐ-ST Ngày: 14-11-2023 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng

- Thư ký phiên toà: Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 1001/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ph Th Th Nh, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Số 357C, khu phố Bình Hòa, phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Số 48, Đường số 8, Giai đoạn 2, Phường Hiệp Thành 1, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Ng A Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 357C, khu phố Bình Hòa, phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Ph Th Th Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ph Th Th Nh và ông Ng A Th tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 cấp ngày 26/4/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng hơn một năm nay bà và ông Th ra ngoài thuê nhà ở để buôn bán, kinh doanh. Tuy nhiên, ông Th thường xuyên không về nhà, không quan tâm vợ con; vợ chồng không quan hệ sinh lý từ khi bà có thai cháu Anh đến nay đã hơn 04 năm; vợ chồng hay cãi vã, sống không

hạnh phúc. Do mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th. Trường hợp, Tòa án không cho bà ly hôn thì bà cũng không trở về đoàn tụ với ông Th.

Về con chung: Có 01 con chung tên Anh, sinh ngày 03 tháng 09 năm 2019. Sau khi ly hôn bà Nh yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện bà Nh yêu cầu ông Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng.

Ngày 06/11/1023 bà Nh có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện về cấp dưỡng nuôi con, cụ thể: Bà Nh yêu cầu ông Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Ng A Th trình bày:

Ông và bà Nh tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 cấp ngày 26/4/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng hơn một năm nay ông và bà Nh ra ngoài thuê nhà ở để buôn bán, kinh doanh. Tuy nhiên, do tính chất công việc của ông làm nghề kinh doanh cây kiểng nên cần phải có thời gian chăm sóc cây kiểng. Do đó, khoảng hơn một tháng nay ông ít về nhà ngủ. Mặt khác, do áp lực công việc nên ông ít gần vợ, quan tâm vợ hơn trước, nhưng thực tế ông vẫn còn thương yêu vợ. Do mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn nên ông không đồng ý ly hôn với bà Nh.

Về con chung: Có 01 con chung tên Anh, sinh ngày 03 tháng 09 năm 2019. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nh thì ông đồng ý giao con chung cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Bà Nh yêu cầu ông phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng thì ông không có khả năng, ông chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nh khởi kiện ông Th yêu cầu ly hôn, ông Th hiện đang sinh sống tại địa chỉ: Số 357C, khu phố Bình Hòa, phường Bình Nhâm, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn bà Nh; bị đơn ông Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông Th tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình Nhâm, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41 cấp ngày 26/4/2018 là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng bà Nh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, hay cãi vã, sống không hạnh phúc nên bà Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Th. Ông Th xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng nên không đồng ý ly hôn với bà Nh.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông Th không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án đã hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nhưng bà Nhung cương quyết không đồng ý đoàn tụ vì bà không còn tình cảm với ông Th, vợ chồng không quan hệ sinh lý từ khi bà có thai đến nay đã hơn 04 năm. Ông Th thì cho rằng do tính chất công việc nên ít quan tâm, gần gũi vợ, ông còn thương yêu vợ nên không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, ý kiến của ông Thi không được bà Nh chấp nhận và xác định nếu Tòa án không cho ly hôn thì bà cũng không đoàn tụ với ông Th. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nh về việc ly hôn với ông Th.

[3.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Anh, sinh ngày 03 tháng 09 năm 2019. Sau khi ly hôn bà Nh yêu cầu giao con cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Xét thấy, bà Nh có việc làm, thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con; hiện nay cháu Anh còn nhỏ đang sống với mẹ và được ông Th đồng ý giao con cho bà Nh nuôi dưỡng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nh

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện bà Nh yêu cầu ông Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 đồng. Tuy nhiên, quá trình tố tụng bà Nh thay đổi chỉ yêu cầu ông Th thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng. Xét, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nh yêu cầu ông Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng và được ông Th đồng ý nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thùy Nhung với bị đơn ông Nguyễn Anh Thi về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nh được ly hôn ông Th.

- Về con chung: Giao cháu Anh, sinh ngày 03 tháng 09 năm 2019 cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Th phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 7.000.000 đồng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0013187 ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Ông Th phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi thời hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Bạch Tuyết